**PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO TRIỆU PHONG**

**TRƯỜNG THCS TRIỆU THƯỢNG**

**MA TRẬN + BẢN ĐẶC TẢ + ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ II, NĂM HỌC 2022 - 2023**

**Môn: KHTN 6**

**- Thời điểm kiểm tra:** *Kiểm tra cuối học kì 2 khi kết thúc nội dung chương X: Trái đất và bầu trời.*

**- Thời gian làm bài:** *90 phút*

**- Hình thức kiểm tra:** *Kết hợp giữa trắc nghiệm khách quan và tự luận (tỉ lệ 40% trắc nghiệm, 60% tự luận)*

**- Cấu trúc:**

- Mức độ đề:40% Nhận biết; 30% Thông hiểu; 20% Vận dụng; 10% Vận dụng cao

- Phần trắc nghiệm: 4,0 điểm (gồm 16 câu hỏi: nhận biết 12 câu, thông hiểu 4 câu), mỗi câu 0,25 điểm

- Phần tự luận: 6,0 điểm (Nhận biết: 1,0 điểm; Thông hiểu: 2,0 điểm; Vận dụng: 2,0 điểm; Vận dụng cao: 1,0 điểm)

- Nội dung nửa đầu học kì 2: 25% (2,5 điểm)

- Nội dung nửa sau học kì 2: 75% (7,5 điểm)

**I. MA TRẬN ĐỀ.**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Chủ đề** | **MỨC ĐỘ** | | | | | | | | **Tổng số câu** | | **Tổng điểm** |
| **Nhận biết** | | **Thông hiểu** | | **Vận dụng** | | **Vận dụng cao** | |
| **Tự luận** | **Trắc nghiệm** | **Tự luận** | **Trắc nghiệm** | **Tự luận** | **Trắc nghiệm** | **Tự luận** | **Trắc nghiệm** | **Số ý tự luận** | **Trắc nghiệm** |
| **1. Đa dạng thế giới sống (28 tiết)** |  | **4** | 2 | **2** |  |  |  |  | **2** | **6** | **2,5** |
| **2. Lực trong đời sống (13 tiết)** |  | **3** | 2 | **1** |  |  |  |  | **2** | **4** | **2,0** |
| **3. Năng lượng (10 tiết)** | 2 | **2** |  | **1** |  |  | 2 |  | **4** | **3** | **2,75** |
| **4. Trái đất và bầu trời (10 tiết)** |  | **3** |  |  | 4 |  |  |  | **4** | **3** | **2,75** |
| **Số ý TL/**  **Số câu TN** | 2 | **12** | 4 | **4** | 4 |  | 2 |  | **12** | **16** |  |
| **Tổng điểm** | **1,0** | **3,0** | **2,0** | **1,0** | **2,0** | **0** | **1,0** | **0** | **6,0** | **4,0** | **10,0** |
| **Tổng số điểm** | **4,0** | | **3,0** | | **2,0** | | **1,0** | | **6,0** | **4,0** | **10,0** |

**II. BẢNG ĐẶC TẢ**

| **Nội dung** | **Mức độ** | **Yêu cầu cần đạt** | **Số câu hỏi** | | **Câu hỏi** | |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| TL  (Số ý) | TN  (Số câu) | TL  (Ý số) | TN  (Câu số) |
| ***1. Đa dạng thế giới sống (28 tiết)*** | | |  |  |  |  |
| - Sự đa dạng nguyên sinh vật, một số bệnh do nguyên sinh vật gây nên.  - Sự đa dạng nấm, vai trò của nấm, một số bệnh do nấm gây ra.  - Sự đa dạng của thực vật, động vật.  - Tìm hiểu các sinh vật ngoài thiên nhiên. | **Nhận biết** | - Nêu được một số bệnh do nguyên sinh vật gây nên. |  | 1 |  | C1 |
| - Nêu được một số bệnh do nấm gây ra. |  | 1 |  | C2 |
| - Nêu được một số tác hại của thực vật trong đời sống. |  |  |  |  |
| - Nêu được một số tác hại của động vật trong đời sống. |  | 1 |  | C3 |
| - Nêu được vai trò của đa dạng sinh học trong tự nhiên và trong thực tiễn (làm thuốc, làm thức ăn, chỗ ở, bảo vệ môi trường, … |  | 1 |  | C4 |
| **Thông hiểu** | - Nhận biết được một số đối tượng nguyên sinh vật thông qua quan sát hình ảnh, mẫu vật (ví dụ: trùng roi, trùng đế giày, trùng biến hình, tảo silic, tảo lục đơn bào, ...). |  |  |  |  |
| - Dựa vào hình thái, nêu được sự đa dạng của nguyên sinh vật. |  |  |  |  |
| - Trình bày được cách phòng và chống bệnh do nguyên sinh vật gây ra. |  |  |  |  |
| - Nhận biết được một số đại diện nấm thông qua quan sát hình ảnh, mẫu vật (nấm đơn bào, đa bào. Một số đại diện phổ biến: nấm đảm, nấm túi, ...). Dựa vào hình thái, trình bày được sự đa dạng của nấm. |  |  |  |  |
| - Trình bày được vai trò của nấm trong tự nhiên và trong thực tiễn (nấm được trồng làm thức ăn, dùng làm thuốc,...). |  |  |  |  |
| - Trình bày được cách phòng và chống bệnh do nấm gây ra. | 1 ý |  | C21a |  |
| - Dựa vào sơ đồ, hình ảnh, mẫu vật, phân biệt được các nhóm thực vật: Thực vật không có mạch (Rêu); Thực vật có mạch, không có hạt (Dương xỉ); Thực vật có mạch, có hạt (Hạt trần); Thực vật có mạch, có hạt, có hoa (Hạt kín). |  | 1 |  | C5 |
| - Trình bày được vai trò của thực vật trong đời sống và trong tự nhiên: làm thực phẩm, đồ dùng, bảo vệ môi trường (trồng và bảo vệ cây xanh trong thành phố, trồng cây gây rừng, ...). | 1 ý |  | C21b |  |
| - Phân biệt được hai nhóm động vật không xương sống và có xương sống. Lấy được ví dụ minh hoạ. |  |  |  |  |
| - Nhận biết được các nhóm động vật không xương sống dựa vào quan sát hình ảnh hình thái (hoặc mẫu vật, mô hình) của chúng (Ruột khoang, Giun; Thân mềm, Chân khớp). Gọi được tên một số con vật điển hình. |  | 1 |  | C6 |
| - Nhận biết được các nhóm động vật có xương sống dựa vào quan sát hình ảnh hình thái (hoặc mẫu vật, mô hình) của chúng (Cá, Lưỡng cư, Bò sát, Chim, Thú). Gọi được tên một số con vật điển hình. |  |  |  |  |
| **Vận dụng** | - Thực hành quan sát và vẽ được hình nguyên sinh vật dưới kính lúp hoặc kính hiển vi. |  |  |  |  |
| - Thông qua thực hành, quan sát và vẽ được hình nấm (quan sát bằng mắt thường hoặc kính lúp). |  |  |  |  |
| - Quan sát hình ảnh, mẫu vật thực vật và phân chia được thành các nhóm thực vật theo các tiêu chí phân loại đã học. |  |  |  |  |
| - Thực hành quan sát (hoặc chụp ảnh) và kể được tên một số động vật quan sát được ngoài thiên nhiên. |  |  |  |  |
| - Giải thích được vì sao cần bảo vệ đa dạng sinh học. |  |  |  |  |
| **Vận dụng cao:** | - Vận dụng được hiểu biết về nấm vào giải thích một số hiện tượng trong đời sống như kĩ thuật trồng nấm, nấm ăn được, nấm độc, ... |  |  |  |  |
| - Thực hiện được một số phương pháp tìm hiểu sinh vật ngoài thiên nhiên: quan sát bằng mắt thường, kính lúp, ống nhòm; ghi chép, đo đếm, nhận xét và rút ra kết luận. |  |  |  |  |
| - Nhận biết được vai trò của sinh vật trong tự nhiên (Ví dụ, cây bóng mát, điều hòa khí hậu, làm sạch môi trường, làm thức ăn cho động vật, ...).  - Làm và trình bày được báo cáo đơn giản về kết quả tìm hiểu sinh vật ngoài thiên nhiên. |  |  |  |  |
| - Sử dụng được khoá lưỡng phân để phân loại một số nhóm sinh vật. |  |  |  |  |
| - Quan sát và phân biệt được một số nhóm thực vật ngoài thiên nhiên. |  |  |  |  |
| - Chụp ảnh và làm được bộ sưu tập ảnh về các nhóm sinh vật (thực vật, động vật có xương sống, động vật không xương sống). |  |  |  |  |
| ***Lực trong đời sống (13 tiết)*** | | |  |  |  |  |
| – Lực và tác dụng của lực  – Lực tiếp xúc và lực không tiếp xúc  – Ma sát  – Lực cản của nước  – Khối lượng và trọng lượng  – Biến dạng của lò xo | **Nhận biết** | - Lấy được ví dụ để chứng tỏ lực là sự đẩy hoặc sự kéo. |  |  |  |  |
| - Nêu được đơn vị lực đo lực. |  | 1 |  | C7 |
| - Kể tên được một số ứng dụng của vật đàn hồi. |  |  |  |  |
| - Nhận biết được dụng cụ đo lục là lực kế. |  | 1 |  | C8 |
| - Lấy được ví dụ về tác dụng của lực làm thay đổi tốc độ. |  |  |  |  |
| - Lấy được ví dụ về tác dụng của lực làm thay đổi hướng chuyển động. |  |  |  |  |
| - Lấy được ví dụ về tác dụng của lực làm biến dạng vật. |  |  |  |  |
| - Lấy được ví dụ về lực tiếp xúc. |  |  |  |  |
| - Lấy được vi dụ về lực không tiếp xúc. |  |  |  |  |
| - Nêu được lực không tiếp xúc xuất hiện khi vật (hoặc đối tượng) gây ra lực không có sự tiếp xúc với vật (hoặc đối tượng) chịu tác dụng của lực. |  |  |  |  |
| - Kể tên được ba loại lực ma sát. |  |  |  |  |
| - Lấy được ví dụ về sự xuất hiện của lực ma sát nghỉ. |  |  |  |  |
| - Lấy được ví dụ về sự xuất hiện của lực ma sát lăn. |  |  |  |  |
| - Lấy được ví dụ về sự xuất hiện của lực ma sát trượt. |  |  |  |  |
| - Lấy được ví dụ vật chịu tác dụng của lực cản khi chuyển động trong môi trường (nước hoặc không khí). |  |  |  |  |
| - Nêu được khái niệm về khối lượng. |  |  |  |  |
| - Nêu được khái niệm lực hấp dẫn. |  |  |  |  |
| - Nêu được khái niệm trọng lượng. |  | 1 |  | C9 |
| - Nhận biết được khi nào lực đàn hồi xuất hiện. |  |  |  |  |
| - Lấy được một số ví dụ về vật có khả năng đàn hồi tốt, kém. |  |  |  |  |
| **Thông hiểu** | - Biểu diễn được một lực bằng một mũi tên có điểm đặt tại vật chịu tác dụng lực, có độ lớn và theo hướng của sự kéo hoặc đẩy. |  |  |  |  |
| - Biết cách sử dụng lực kế để đo lực (ước lượng độ lớn lực tác dụng lên vật, chọn lực kế thích hợp, tiến hành đúng thao tác đo, đọc giá trị của lực trên lực kế). |  |  |  |  |
| - Chỉ ra được lực tiếp xúc và lực không tiếp xúc. |  | 1 |  | C10 |
| - Nêu được lực không tiếp xúc xuất hiện khi vật (hoặc đối tượng) gây ra lực không có sự tiếp xúc với vật (hoặc đối tượng) chịu tác dụng của lực; lấy được ví dụ về lực không tiếp xúc. |  |  |  |  |
| - Chỉ ra được nguyên nhân gây ra lực ma sát. |  |  |  |  |
| - Nêu được khái niệm về lực ma sát trượt (ma sát lăn, ma sát nghỉ). Cho ví dụ. | 2 ý |  | C18a,  C18b |  |
| - Phân biệt được lực ma sát nghỉ, lực ma sát trượt, lực ma sát lăn. |  |  |  |  |
| - Chỉ ra được chiều của lực cản tác dụng lên vật chuyển động trong môi trường. |  |  |  |  |
| - Đọc và giải thích được số chỉ về trọng lượng, khối lượng ghi trên các nhãn hiệu của sản phẩm tên thị trường. |  |  |  |  |
| - Giải thích được một số hiện tượng thực tế liên quan đến lực hấp dẫn, trọng lực. |  |  |  |  |
| - Chỉ ra được phương, chiều của lực đàn hồi khi vật chịu lực tác dụng. |  |  |  |  |
| - Chứng tỏ được độ giãn của lò xo treo thẳng đứng tỉ lệ với khối lượng của vật treo. |  |  |  |  |
| **Vận dụng** | - Biểu diễn được lực tác dụng lên 1 vật trong thực tế và chỉ ra tác dụng của lực trong trường hợp đó. |  |  |  |  |
| - Chỉ ra được tác dụng cản trở hay tác dụng thúc đẩy chuyển động của lực ma sát nghỉ (trượt, lăn) trong trường hợp thực tế. |  |  |  |  |
| **-** Lấy được ví dụ về một số ảnh hưởng của lực ma sát trong an toàn giao thông đường bộ. |  |  |  |  |
| - Lấy được ví dụ thực tế và giải thích được khi vật chuyển động trong môi trường nào thì vật chịu tác dụng của lực cản môi trường đó.  Xác định được trọng lượng của vật khi biết khối lượng của vật hoặc ngược lại. |  |  |  |  |
| - Giải thích được một số hiện tượng thực tế về: nguyên nhân biến dạng của vật rắn; lò xo mất khả năng trở lại hình dạng ban đầu; ứng dụng của lực đàn hồi trong kĩ thuật. |  |  |  |  |
| ***3. Năng lượng (10 tiết)*** | | |  |  |  |  |
| – Khái niệm về năng lượng  – Một số dạng năng lượng  – Sự chuyển hoá năng lượng  – Năng lượng hao phí  – Năng lượng tái tạo  – Tiết kiệm năng lượng | **Nhận biết** | - Chỉ ra được một số hiện tượng trong tự nhiên hay một số ứng dụng khoa học kĩ thuật thể hiện năng lượng đặc trưng cho khả năng tác dụng lực. |  |  |  |  |
| - Kể tên được một số nhiên liệu thường dùng trong thực tế. |  | 1 |  | C11 |
| - Kể tên được một số loại năng lượng. | 2 ý |  | C17a,  C17b |  |
| - Chỉ ra được một số ví dụ trong thực tế về sự truyền năng lượng giữa các vật. |  |  |  |  |
| - Phát biểu được định luật bảo toàn và chuyển hóa năng lượng. |  |  |  |  |
| - Lấy được ví dụ về sự truyền năng lượng từ vật này sang vật khác từ dạng này sang dạng khác thì năng lượng không được bảo toàn mà xuất hiện một năng lượng hao phí trong quá trình truyền và biến đổi. |  |  |  |  |
| - Chỉ ra được một số ví dụ về sử dụng năng lượng tái tạo thường dùng trong thực tế. |  | 1 |  | C12 |
| **Thông hiểu** | - Nêu được nhiên liệu là vật liệugiải phóng năng lượng, tạo ra nhiệt và ánh sáng khi bị đốt cháy. Lấy được ví dụ minh họa. |  |  |  |  |
| - Phân biệt được các dạng năng lượng. |  |  |  |  |
| - Chứng minh được năng lượng đặc trưng cho khả năng tác dụng lực. |  |  |  |  |
| - Nêu được định luật bảo toàn năng lượng và lấy được ví dụ minh hoạ. |  |  |  |  |
| **-** Giải thích được các hiện tượng trong thực tế có sự chuyển hóa năng lượng chuyển từ dạng này sang dạng khác, từ vật này sang vật khác. |  |  |  |  |
| - Nêu được sự truyền năng lượng từ vật này sang vật khác từ dạng này sang dạng khác thì năng lượng không được bảo toàn mà xuất hiện một năng lượng hao phí trong quá trình truyền và biến đổi. Lấy được ví dụ thực tế. |  | 1 |  | C13 |
| **Vận dụng** | - Giải thích được một số vật liệu trong thực tế có khả năng giải phóng năng lượng lớn, nhỏ. |  |  |  |  |
| - So sánh và phân tích được vật có năng lượng lớn sẽ có khả năng sinh ra lực tác dụng mạnh lên vật khác. |  |  |  |  |
| - Vận dụng được định luật bảo toàn và chuyển hóa năng lượng để giải thích một số hiện tượng trong tự nhiên và ứng dụng của định luật trong khoa học kĩ thuật. |  |  |  |  |
| - Lấy được ví dụ thực tế về ứng dụng trong kĩ thuật về sự truyền nhiệt và giải thích được. |  |  |  |  |
| **Vận dụng cao:** | - Đề xuất biện pháp và vận dụng thực tế việc sử dụng nguồn năng lượng tiết kiệm và hiệu quả. | 2 ý |  | C22a,  C22b |  |
| ***4. Trái đất và bầu trời (10 tiết).*** | | |  |  |  |  |
| – Chuyển động nhìn thấy của Mặt Trời  – Chuyển động nhìn thấy của Mặt Trăng  – Hệ Mặt Trời  – Ngân Hà. | **Nhận biết** | - Mô tả được quy luật chuyển động của Mặt Trời hằng ngày quan sát thấy. |  | 1 |  | C14 |
| - Nêu được các pha của Mặt Trăng trong Tuần Trăng. |  |  |  |  |
| - Nêu được Mặt Trời và sao là các thiên thể phát sáng; Mặt Trăng, các hành tinh và sao chổi phản xạ ánh sáng Mặt Trời. |  | 1 |  | C15 |
| - Nêu được hệ Mặt Trời là một phần nhỏ của Ngân Hà. |  | 1 |  | C16 |
| **Thông hiểu** | - Giải thích được quy luật chuyển động mọc, lặn của Mặt Trời. |  |  |  |  |
| - Giải thích được các pha của Mặt Trăng trong Tuần Trăng. |  |  |  |  |
| - Mô tả được sơ lược cấu trúc của hệ Mặt Trời, nêu được các hành tinh cách Mặt Trời các khoảng cách khác nhau và có chu kì quay khác nhau. |  |  |  |  |
| - Giải thích được hình ảnh quan sát thấy về sao chổi. |  |  |  |  |
| - Giải thích được hệ Mặt Trời là một phần nhỏ của Ngân Hà. |  |  |  |  |
| **Vận dụng** | - Vận dụng giải thích quy luật chuyển động của Trái Đất, Mặt Trời, Mặt Trăng. | 2 ý |  | C20a,  C20b |  |
| - Thiết kế mô hình thực tế bằng vẽ hình, phần mền thông dụng để giải thích được một số hình dạng nhìn thấy của Mặt Trăng trong Tuần Trăng. |  |  |  |  |
| - Vận dụng xác định vị trí các hành tinh trong hệ Mặt Trời, giải thích sự chuyển động nhanh chậm của các hành tinh trong hệ Mặt Trời. | 2 ý |  | C19a,  C19b |  |

**PHÒNG GD&ĐT TRIỆU PHONG KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ II, NH 2022-2023**

|  |  |
| --- | --- |
| **TRƯỜNG THCS TRIỆU THƯỢNG**  **ĐỀ CHÍNH THỨC** | **MÔN: KHTN 6**  *Thời gian làm bài: 90 phút (không kể thời gian giao đề)*  *(Đề kiểm tra gồm có: 02 trang)* |

**Mã đề: KHTN 601**

**A. TRẮC NGHIỆM (4 điểm)  
Câu 1.** Muỗi Anophen là vật chủ trung gian truyền bệnh gì cho người?

1. Bệnh dịch tả. **B**. Bệnh sốt rét.

**C**. Bệnh ngủ li bì. **D**. Bệnh viêm đường hô hấp.

**Câu 2.** Đặc điểm của người bị bệnh hắc lào là?

1. Xuất hiện những vùng da phát ban đỏ, gây ngứa.

**B.** Xuất hiện các mụn nước nhỏ li ti, gây ngứa.

**C.** Xuất hiện vùng da có dạng tròn, đóng vảy, có thể sưng đỏ và gây ngứa.

**D.** Xuất hiện những bọng nước lớn, không ngứa, không đau nhức.

**Câu 3.** Tác hại của động vật là?

A. Gây bệnh cho người. **B.** Nguyên liệu sản xuất.

**C.** Làm dược phẩm. **D.** Làm thực phẩm.

**Câu 4.** Thực vật có vai trò gì đối với động vật?

**A.** Góp phần tạo nên hiệu ứng nhà kính.                 **B.** Ngăn biến đổi khí hậu.

**C.** Giữ đất, giữ nước.                **D.** Cung cấp thức ăn, nơi ở.

**Câu 5.** Cây nào dưới đây không thuộc nhóm Hạt trần?

1. Vạn Tuế. **B.** Dừa. **C.** Thông **D.** Pơ – mu.

**Câu 6.** San hô là đại diện của ngành động vật không xương sống nào?

**A.** Ruột khoang. **B.** Thân mềm.

**C.** Chân khớp. **D.** Các ngành giun.

**Câu 7.** Đơn vị của lực là

**A.** niutơn (N). **B.** mét (m). **C.** giờ (h). **D.** gam (g).

**Câu 8.** Dụng cụ dùng để đo độ lớn của lực là

**A.** cân. **B.** đồng hồ. **C.** thước dây. **D.** lực kế.

**Câu 9.** Phát biểu nào sau đây là đúng?

**A.** Trọng lượng của vật là lực hút của Trái Đất tác dụng lên vật.

**B.** Trọng lượng của một vật có đơn vị là kg.

**C.** Trọng lượng của vật là độ lớn lực hút của Trái Đất tác dụng lên vật.

**D.** Trọng lượng của vật tỉ lệ với thể tích của vật.

**Câu 10.** Trường hợp nào sau đây liên quan đến lực không tiếp xúc?

**A.** Vận động viên nâng tạ. **B.** Người dọn hàng đẩy thùng hàng trên sân.

**C.** Qủa dừa đang rơi. **D.** Bạn Nam đóng đinh vào tường.

**Câu 11.** Vật liệu nào **không phải** là nhiên liệu?

**A.** Xăng. **B.** Điện. **C.** Dầu. **D.** Than.

**Câu 12.** Những nguồn năng lượng nào sau đây là năng lượng tái tạo?

**A.** Mặt Trời, gió. **B.** Dầu mỏ, khí tự nhiên.

**C.** Mặt Trời, khí tự nhiên. **D.** Than, xăng.

**Câu 13.** Những dạng năng lượng nào xuất hiện trong quá trình một khối gỗ trượt có ma sát từ trên mặt phẳng nghiêng xuống?

**A.** Nhiệt năng, động năng và thế năng. **B.** Chỉ có nhiệt năng và động năng.

**C.** Chỉ có động năng và thế năng. **D.** Chỉ có động năng.

**Câu 14.** Hằng ngày, chúng ta vẫn nhìn thấy:

**A.** Trái Đất quay quanh trục của nó. **B.** Mặt Trời mọc ở đằng Đông lặn ở đằng Tây.

**C.** Trái Đất quay quanh Mặt Trời. **D.** Mặt Trăng quay quanh Trái Đất.

**Câu 15.** Ban đêm nhìn thấy Mặt Trăng vì

**A.** Mặt Trăng phát ra ánh sáng. **B.** Mặt Trăng phản chiếu ánh sáng Mặt Trời.

**C.** Mặt Trăng là một ngôi sao. **D.** Mặt Trăng là vệ tinh của Trái Đất.

**Câu 16.** Câu nào dưới đây là đúng?

**A.** Ngân Hà là một chùm sao sắp xếp kéo dài trên bầu trời.

**B.** Ngân Hà là một “dòng sông” sao trên bầu trời.

**C.** Ngân Hà là một tập hợp hàng trăm tỉ thiên thể liên kết với nhau bằng lực hấp dẫn.

**D.** Ngân Hà là một tập hợp hàng trăm tỉ ngôi sao và nằm ở ngoài hệ Mặt Trời.

**B. TỰ LUẬN (6,0 ĐIỂM)**

**Câu 17 (1,0 điểm).**

1. Hãy kể tên một số dạng năng lượng mà em đã học?
2. Lấy một ví dụ về một đồ dùng có sự chuyển hóa năng lượng từ dạng này sang dạng khác?

**Câu 18 (1,0 điểm).**

1. Lực ma sát trượt xuất hiện khi nào?
2. Lấy ví dụ về lực ma sát trượt trong thực tế?

**Câu 19 (1,0 điểm).**

1. Hãy xác định vị trí của Trái Đất và Thiên Vương Tinh trong hệ Mạt Trời.
2. Các nhà khoa học cho biết thời gian quay của các hành tinh quanh Mặt Trời là khác nhau. Em hãy giải thích vì sao?

**Câu 20 (1,0 điểm)**. Quan sát hình sau và trả lời các câu hỏi sau:

a. Trong số các vị trí M, N, P, Q thì ở những vị trí nào đang là ban ngày? Ở những vị trí nào đang là ban đêm? Vì sao?

c. Người ở vị trí nào trong hai vị trí P và Q sẽ thấy Mặt Trời lặn trước? Vì sao?

A picture containing text, device

Description automatically generated

**Câu 21 (1,0 điểm).**

1. Em hãy đưa ra biện pháp phòng tránh bệnh do nấm gây ra ở người?
2. Em cho biết việc trồng cây trong nhà có tác dụng gì?

**Câu 22 (1,0 điểm).**

1. Trong vấn đề thắp sáng ở gia đình, em hãy nêu ý kiến đề xuất sử dụng một loại đèn thắp sáng hiệu quả nhất?
2. Hãy giải thích vì sao lại sử dụng loại đèn đó.

-----------HẾT-----------

*(Cán bộ coi kiểm tra không giải thích gì thêm)*

**PHÒNG GD&ĐT TRIỆU PHONG KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ II, NH 2022-2023**

|  |  |
| --- | --- |
| **TRƯỜNG THCS TRIỆU THƯỢNG**  **ĐỀ CHÍNH THỨC** | **MÔN: KHTN 6**  *Thời gian làm bài: 90 phút (không kể thời gian giao đề)*  *(Đề kiểm tra gồm có: 02 trang)* |

**Mã đề: KHTN 602**

**A. TRẮC NGHIỆM (4 điểm)**

**Câu 1.** Tác hại của động vật là?

A. Gây bệnh cho người. **B.** Nguyên liệu sản xuất.

**C.** Làm dược phẩm. **D.** Làm thực phẩm.

**Câu 2.** Ban đêm nhìn thấy Mặt Trăng vì

**A.** Mặt Trăng phát ra ánh sáng. **B.** Mặt Trăng phản chiếu ánh sáng Mặt Trời.

**C.** Mặt Trăng là một ngôi sao. **D.** Mặt Trăng là vệ tinh của Trái Đất.

**Câu 3.** Thực vật có vai trò gì đối với động vật?

**A.** Góp phần tạo nên hiệu ứng nhà kính.                 **B.** Ngăn biến đổi khí hậu.

**C.** Giữ đất, giữ nước.                **D.** Cung cấp thức ăn, nơi ở.

**Câu 4.** Cây nào dưới đây không thuộc nhóm Hạt trần?

1. Vạn Tuế. **B.** Dừa.

**C.** Thông. **D.** Pơ – mu.

**Câu 5.** Muỗi Anophen là vật chủ trung gian truyền bệnh gì cho người?

1. Bệnh dịch tả. **B**. Bệnh sốt rét.

**C**. Bệnh ngủ li bì. **D**. Bệnh viêm đường hô hấp.

**Câu 6.** Đặc điểm của người bị bệnh hắc lào là?

1. Xuất hiện những vùng da phát ban đỏ, gây ngứa.

**B.** Xuất hiện các mụn nước nhỏ li ti, gây ngứa.

**C.** Xuất hiện vùng da có dạng tròn, đóng vảy, có thể sưng đỏ và gây ngứa.

**D.** Xuất hiện những bọng nước lớn, không ngứa, không đau nhức.

**Câu 7.** San hô là đại diện của ngành động vật không xương sống nào?

**A.** Ruột khoang; **B.** Thân mềm; **C.** Chân khớp. **D.** Các ngành giun.

**Câu 8.** Trường hợp nào sau đây liên quan đến lực không tiếp xúc?

**A.** Vận động viên nâng tạ. **B.** Người dọn hàng đẩy thùng hàng trên sân.

**C.** Qủa dừa đang rơi. **D.** Bạn Nam đóng đinh vào tường.

**Câu 9.** Đơn vị của lực là

**A.** niutơn (N). **B.** mét (m). **C.** giờ (h). **D.** gam (g).

**Câu 10.** Phát biểu nào sau đây là đúng?

**A.** Trọng lượng của vật là lực hút của Trái Đất tác dụng lên vật.

**B.** Trọng lượng của một vật có đơn vị là kg.

**C.** Trọng lượng của vật là độ lớn lực hút của Trái Đất tác dụng lên vật.

**D.** Trọng lượng của vật tỉ lệ với thể tích của vật.

**Câu 11.** Những dạng năng lượng nào xuất hiện trong quá trình một khối gỗ trượt có ma sát từ trên mặt phẳng nghiêng xuống?

**A.** Nhiệt năng, động năng và thế năng. **B.** Chỉ có nhiệt năng và động năng.

**C.** Chỉ có động năng và thế năng. **D.** Chỉ có động năng.

**Câu 12.** Hằng ngày, chúng ta vẫn nhìn thấy:

**A.** Trái Đất quay quanh trục của nó. **B.** Mặt Trời mọc ở đằng Đông lặn ở đằng Tây.

**C.** Trái Đất quay quanh Mặt Trời. **D.** Mặt Trăng quay quanh Trái Đất.

**Câu 13.** Vật liệu nào **không phải** là nhiên liệu?

**A.** Xăng. **B.** Điện. **C.** Dầu. **D.** Than.

**Câu 14.** Câu nào dưới đây là đúng?

**A.** Ngân Hà là một chùm sao sắp xếp kéo dài trên bầu trời.

**B.** Ngân Hà là một “dòng sông” sao trên bầu trời.

**C.** Ngân Hà là một tập hợp hàng trăm tỉ thiên thể liên kết với nhau bằng lực hấp dẫn.

**D.** Ngân Hà là một tập hợp hàng trăm tỉ ngôi sao và nằm ở ngoài hệ Mặt Trời.

**Câu 15.** Dụng cụ dùng để đo độ lớn của lực là

**A.** cân. **B.** đồng hồ. **C.** thước dây. **D.** lực kế.

**Câu 16.** Những nguồn năng lượng nào sau đây là năng lượng tái tạo?

**A.** Mặt Trời, gió; **B.** Dầu mỏ, khí tự nhiên; **C.** Mặt Trời, khí tự nhiên; **D.** Than, xăng.

**B. TỰ LUẬN (6,0 ĐIỂM)**

**Câu 17 (1,0 điểm).**

1. Hãy kể tên một số dạng năng lượng mà em đã học?
2. Lấy một ví dụ về một đồ dùng có sự chuyển hóa năng lượng từ dạng này sang dạng khác?

**Câu 18 (1,0 điểm).**

1. Lực ma sát trượt xuất hiện khi nào?
2. Lấy ví dụ về lực ma sát trượt trong thực tế?

**Câu 19 (1,0 điểm).**

1. Hãy xác định vị trí của Trái Đất và Thiên Vương Tinh trong hệ Mạt Trời.
2. Các nhà khoa học cho biết thời gian quay của các hành tinh quanh Mặt Trời là khác nhau. Em hãy giải thích vì sao?

**Câu 20 (1,0 điểm)**. Quan sát hình sau và trả lời các câu hỏi sau:

a. Trong số các vị trí M, N, P, Q thì ở những vị trí nào đang là ban ngày? Ở những vị trí nào đang là ban đêm? Vì sao?

c. Người ở vị trí nào trong hai vị trí P và Q sẽ thấy Mặt Trời lặn trước? Vì sao?

A picture containing text, device

Description automatically generated

**Câu 21 (1,0 điểm).**

1. Em hãy đưa ra biện pháp phòng tránh bệnh do nấm gây ra ở người?
2. Em cho biết việc trồng cây trong nhà có tác dụng gì?

**Câu 22 (1,0 điểm).**

1. Trong vấn đề thắp sáng ở gia đình, em hãy nêu ý kiến đề xuất sử dụng một loại đèn thắp sáng hiệu quả nhất?
2. Hãy giải thích vì sao lại sử dụng loại đèn đó.

-----------HẾT-----------

*(Cán bộ coi kiểm tra không giải thích gì thêm)*

**HƯỚNG DẪN CHẤM**

**Mã đề: KHTN 601**

**A. TRẮC NGHIỆM (4,0 điểm):** Mỗi câu chọn đáp án đúng được 0,25 điểm.

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Câu** | **1** | **2** | **3** | **4** | **5** | **6** | **7** | **8** | **9** | **10** | **11** | **12** | **13** | **14** | **15** | **16** |
| **ĐA** | B | C | A | D | B | A | A | D | C | C | B | A | A | B | B | C |

**B: TỰ LUẬN: (6,0 điểm)**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Câu** | **Nội dung** | **Điểm** |
| **Câu 17**  (1,0 điểm) | a. Một số dạng năng lượng:  Điện năng, quang năng, cơ năng, hóa năng, nhiệt năng…  b. Ví dụ: Ấm nấu nước siêu tốc: Có sự chuyển hóa năng lượng: Điện năng chuyển hóa thành nhiệt năng làm nóng nước. | 0,5 đ  0,5 đ |
| **Câu 18**  (1,0 điểm) | a. Lực ma sát trượt xuất hiện khi vật trượt trên bề mặt của một vật khác  b. Ví dụ về lực ma sát trượt: Khi đẩy một thùng hàng trượt trên mặt sàn. Lực ma sát trượt xuất hiện ở mặt tiếp xúc giữa thùng hàng và mặt sàn. | 0,5 đ  0,5 đ |
| **Câu 19**  (1,0 điểm) | a. Trong hệ Mặt Trời, theo thứ tự xa dần Mặt Trời:  - Trái Đất ở vị trí thứ 3.  - Thiên Vương Tinh ở vị trí thứ 7.  b. Vì các hành tinh có khối lượng và khoảng cách đến Mặt Trời khác nhau làm cho lực hấp dẫn giữa Mặt Trời với các hành tinh khác nhau nên thời gian quay quanh Mặt Trời của các hành tinh không giống nhau. | 0,5 đ  0,5 đ |
| **Câu 20**  (1,0 điểm) | a. - Ở các vị trí P, Q đang là ban ngày  Giải thích: Vì các vị trí này đang được Mặt Trời chiếu sáng.  - Ở các vị trí M và N đang là ban đêm  Giải thích: Vì các vị trí này lúc đó không được Mặt Trời chiếu sáng.  b. - Trong hai vị trí P và Q, người đứng ở vị trí Q sẽ thấy Mặt Trời lặn trước.  Giải thích: Vì khi Trái Đất quay quanh trục theo chiều từ tây sang đông, ánh sáng Mặt Trời chiếu tới Q sẽ khuất trước và P khuất sau. | 0,25 đ  0,25 đ  0,25 đ  0,25 đ |
| **Câu 21**  (1,0 điểm) | a. Các biện pháp phòng, tránh bệnh do nấm gây ra ở người:  - Vệ sinh cơ thể sạch sẻ; quần áo, đồ dung cá nhân luôn khô ráo, …  - Môi trường, nơi ở khô ráo, đủ ánh sang.  b. Tác dụng của việc trồng cây trong nhà: Trồng cây trong nhà giúp không khí trong lành hơn do cây xanh hấp thụ khí carbon dioxide và một số loại khí độc khác. | 0,5 đ  0,5 đ |
| **Câu 22**  (1,0 điểm) | - Để tiết kiệm điện năng trong việc thắp sáng ở gia đình, em sẽ đề xuất với gia đình sử dụng loại bóng đèn LED.  - Giải thích: Vì đèn LED là loại đèn tiết kiệm điện năng nhất mà vẫn đảm bảo độ sáng trong thắp sáng ở gia đình. | 0,5 đ  0,5 đ |

**Chú ý:** \* **Học sinh làm cách khác nếu đúng vẫn cho điểm tối đa.**

**HƯỚNG DẪN CHẤM**

**Mã đề: KHTN 602**

**A. TRẮC NGHIỆM (4,0 điểm):** Mỗi câu chọn đáp án đúng được 0,25 điểm.

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Câu** | **1** | **2** | **3** | **4** | **5** | **6** | **7** | **8** | **9** | **10** | **11** | **12** | **13** | **14** | **15** | **16** |
| **ĐA** | A | B | D | B | B | C | A | C | A | C | A | B | B | C | D | A |

**B: TỰ LUẬN: (6,0 điểm)**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Câu** | **Nội dung** | **Điểm** |
| **Câu 17**  (1,0 điểm) | a. Một số dạng năng lượng:  Điện năng, quang năng, cơ năng, hóa năng, nhiệt năng…  b. Ví dụ: Ấm nấu nước siêu tốc: Có sự chuyển hóa năng lượng: Điện năng chuyển hóa thành nhiệt năng làm nóng nước. | 0,5 đ  0,5 đ |
| **Câu 18**  (1,0 điểm) | a. Lực ma sát trượt xuất hiện khi vật trượt trên bề mặt của một vật khác  b. Ví dụ về lực ma sát trượt: Khi đẩy một thùng hàng trượt trên mặt sàn. Lực ma sát trượt xuất hiện ở mặt tiếp xúc giữa thùng hàng và mặt sàn. | 0,5 đ  0,5 đ |
| **Câu 19**  (1,0 điểm) | a. Trong hệ Mặt Trời, theo thứ tự xa dần Mặt Trời:  - Trái Đất ở vị trí thứ 3.  - Thiên Vương Tinh ở vị trí thứ 7.  b. Vì các hành tinh có khối lượng và khoảng cách đến Mặt Trời khác nhau làm cho lực hấp dẫn giữa Mặt Trời với các hành tinh khác nhau nên thời gian quay quanh Mặt Trời của các hành tinh không giống nhau. | 0,5 đ  0,5 đ |
| **Câu 20**  (1,0 điểm) | a. - Ở các vị trí P, Q đang là ban ngày  Giải thích: Vì các vị trí này đang được Mặt Trời chiếu sáng.  - Ở các vị trí M và N đang là ban đêm  Giải thích: Vì các vị trí này lúc đó không được Mặt Trời chiếu sáng.  b. - Trong hai vị trí P và Q, người đứng ở vị trí Q sẽ thấy Mặt Trời lặn trước.  Giải thích: Vì khi Trái Đất quay quanh trục theo chiều từ tây sang đông, ánh sáng Mặt Trời chiếu tới Q sẽ khuất trước và P khuất sau. | 0,25 đ  0,25 đ  0,25 đ  0,25 đ |
| **Câu 21**  (1,0 điểm) | a. Các biện pháp phòng, tránh bệnh do nấm gây ra ở người:  - Vệ sinh cơ thể sạch sẻ; quần áo, đồ dung cá nhân luôn khô ráo, …  - Môi trường, nơi ở khô ráo, đủ ánh sang.  b. Tác dụng của việc trồng cây trong nhà: Trồng cây trong nhà giúp không khí trong lành hơn do cây xanh hấp thụ khí carbon dioxide và một số loại khí độc khác. | 0,5 đ  0,5 đ |
| **Câu 22**  (1,0 điểm) | - Để tiết kiệm điện năng trong việc thắp sáng ở gia đình, em sẽ đề xuất với gia đình sử dụng loại bóng đèn LED.  - Giải thích: Vì đèn LED là loại đèn tiết kiệm điện năng nhất mà vẫn đảm bảo độ sáng trong thắp sáng ở gia đình. | 0,5 đ  0,5 đ |

**Chú ý:** \* **Học sinh làm cách khác nếu đúng vẫn cho điểm tối đa.**

**Tài liệu được chia sẻ bởi Website VnTeach.Com**

**https://www.vnteach.com**